TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2025/DS-ST
Ngày: 20 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiêm Hươl.

Ông Trần Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 53/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà S. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng). (có mặt)

2. Bị đơn: Ông H. Địa chỉ: Ấp A1, xã B1, thành phố Cần Thơ (trước đây là ấp A1, xã B1, huyện C, tỉnh Sóc Trăng). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà S trình bày:* Vào ngày 23/11/2024, ông H có thế chấp cho bà S chiếc xe ô tô 07 chỗ, nhãn hiệu Inova, biển kiểm soát 83A-113.13 để vay mượn số tiền là 150.000.000 đồng. Sau đó, lợi dụng lòng tin của bà S nên ông H mượn lại xe để chạy cuốc xe khách rồi quay lại trả xe cho bà S, nhưng ông H không trả lại chiếc xe cho bà S. Hiện nay bà S chỉ có giấy tay "Giấy mượn tiền" do tự tay ông H viết ra và ký tên còn chiếc xe thì do ông H quản lý, sử dụng mà không giao cho bà S như giao kèo. Sau đó, ông H có vay mượn bà S thêm số tiền là 20.000.000 đồng, ông H hứa với bà S vài ngày sau sẽ trả nên bà S không có làm biên nhận. Tổng cộng, ông H nợ bà S số tiền là 170.000.000 đồng. Khoảng 02 tháng sau, ông H có trả cho bà S được số tiền là 50.000.000 đồng nhưng vẫn chưa trả lại chiếc xe cho tôi để làm tin. Sau đó, ông H có trả cho bà S thêm được 02 lần số tiền là 9.000.000 đồng.

Còn lại số tiền là 111.000.000 đồng đến nay ông H vẫn chưa trả cho bà S, khi bà S liên hệ để đòi lại số tiền này thì ông H chỉ hứa hẹn qua loa mà không trả cho bà S.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2025, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả cho bà S số tiền vay mượn còn nợ là 111.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất theo quy định của nhà nước đối với số tiền 111.000.000 đồng kể từ ngày 10/4/2025 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay mượn là 20.000.000 đồng, theo đó chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả cho bà S số tiền vay mượn còn nợ là 91.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất theo quy định của nhà nước đối với số tiền 91.000.000 đồng kể từ ngày 10/4/2025 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

** Bị đơn ông H:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đã được rút lại một phần như đã nêu trên; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả cho bà S số tiền vay mượn còn nợ là 111.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Bị đơn ông H có địa chỉ cư trú tại ấp A1, xã B1, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp A1, xã B1, thành phố Cần Thơ); Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[4] Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/4/2025, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả cho bà S số tiền vay mượn còn nợ là 111.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất theo quy định của nhà nước đối với số tiền 111.000.000 đồng kể từ ngày 10/4/2025 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tuy nhiên, tại

phiên tòa sơ thẩm, bà S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay mượn là 20.000.000 đồng, theo đó chỉ còn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả cho bà S số tiền vay mượn còn nợ là 91.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất theo quy định của nhà nước đối với số tiền 91.000.000 đồng kể từ ngày 10/4/2025 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của bà S là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà bà S đã rút này.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[6] Về nội dung vụ án: Bà S cho rằng vào ngày 23/11/2024 ông H có vay mượn của bà S số tiền là 150.000.000 đồng, sau đó đã trả được 59.000.000 đồng và hiện còn nợ lại 91.000.000 đồng. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, bà S có cung cấp "Giấy mượn tiền đề ngày 23/11/2024" có nội dung ông H có vay mượn của bà S số tiền là 150.000.000 đồng (BL 22); Tòa án có thông báo nội dung chứng cứ này cho ông H biết nhưng ông H không có ý kiến phản đối. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không có văn bản trả lời thông báo về việc thụ lý vụ án và cũng không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án, nên được coi là ông H đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh của mình. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông H có vay mượn của bà S số tiền là 150.000.000 đồng, sau đó đã trả được 59.000.000 đồng và hiện còn nợ lại 91.000.000 đồng là sự thật, cho đến nay ông H chưa trả số tiền này cho bà S là vi phạm thỏa thuận về vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền vay mượn còn nợ là 91.000.000 đồng là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tiền lãi: Việc bà S yêu cầu ông H trả cho bà S tiền lãi phát sinh trên số tiền vốn vay là 91.000.000 đồng từ ngày 10/4/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mức lãi suất tính trên số tiền vốn vay này được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm; tiền lãi thực tế phát sinh từ ngày 10/4/2025 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2025 là 91.000.000 đồng x 10%/năm x 04 tháng 10 ngày = 3.286.111 đồng. Như vậy, ông H có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền vay mượn còn nợ là 91.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 3.286.111 đồng, tổng cộng là 94.286.111 đồng.

[8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà S, giải quyết buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền vay mượn còn nợ là 91.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 3.286.111 đồng, tổng cộng là 94.286.111 đồng; đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà bà S đã rút đối với số tiền vay mượn là 20.000.000 đồng.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bà S không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp; ông H phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền là 94.286.111 đồng x 5% = 4.714.306 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu ông H trả cho bà S số tiền vay mượn còn nợ.

Buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền vay mượn còn nợ là 91.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh là 3.286.111 đồng, tổng cộng là 94.286.111 đồng (*Chín mươi bốn triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm mươi một đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà S đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu ông H trả cho bà S số tiền vay mượn là 20.000.000 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà S không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà S đã nộp là 2.775.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000016, ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10, Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Ông H phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 4.714.306 đồng (*Bốn triệu bảy trăm mười bốn nghìn ba trăm lẻ sáu đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Bà S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án

nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với ông H không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND KV10-CT (01);
- Phòng THADS KV10-CT (01);
- TAND thành phố Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt